

Số: 183/2020/QĐST-HNGĐ

Châu Thành, ngày 22 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 229/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu: anh Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người yêu cầu: chị Đặng Thị Hồng L, sinh năm: 1979

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh T và L tự nguyện chung sống vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống có hai con chung tên Nguyễn Đặng Hồng Nghi sinh ngày 13/12/2007 và Nguyễn Đặng Hoàng Phát sinh ngày 19/6/2014. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, cuối năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L không thành thật với anh về tiền bạc, khiến anh không tin tưởng chị L, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, anh và chị L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh T và chị L đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T và chị L là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh T và chị L thống nhất thỏa thuận anh T sẽ là người trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Đặng Hồng N sinh ngày 13/12/2007 và Nguyễn Đặng Hoàng P sinh ngày 19/6/2014. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: anh T và chị L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: anh T và chị L thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Anh T và chị L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Thanh T với chị Đặng Thị Hồng L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị L thống nhất thỏa thuận anh T sẽ là người trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Đặng Hồng N sinh ngày 13/12/2007 và Nguyễn Đặng Hoàng P sinh ngày 19/6/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Đặng Thị Hồng L được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: anh T và chị L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: anh T và chị L thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh T và chị L không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng anh T và chị L mỗi người chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà anh T và chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010016 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Anh T và chị L đã nộp xong lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Tiên Thủy;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh